

Mã chương: 422

Mẫu số 20c

Đơn vị: Trường THPT Hiệp Bình

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

Mã ĐVQHNS: 1037384

Mã cấp NS: 2

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quý 2 /Năm 2024

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	12	074	6115	00000	0	0	283.699.257	567.110.694	283.699.257	567.110.694
Bảo hiểm xã hội	12	074	6301	00000	0	0	49.647.371	99.244.373	49.647.371	99.244.373
Bảo hiểm y tế	12	074	6302	00000	0	0	8.510.978	17.013.321	8.510.978	17.013.321
Kinh phí công đoàn	12	074	6303	00000	0	0	5.673.985	11.342.214	5.673.985	11.342.214
Bảo hiểm thất nghiệp	12	074	6304	00000	0	0	2.778.258	5.555.445	2.778.258	5.555.445
Lương theo ngạch, bậc	13	074	6001	00000	0	0	1.508.773.865	3.022.017.729	1.508.773.865	3.022.017.729
Phụ cấp chức vụ	13	074	6101	00000	0	0	24.361.503	48.723.006	24.361.503	48.723.006
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	13	074	6107	00000	0	0	1.788.000	2.384.000	1.788.000	2.384.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	074	6112	00000	0	0	451.130.727	901.671.414	451.130.727	901.671.414
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	074	6113	00000	0	0	1.564.500	3.129.000	1.564.500	3.129.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	074	6115	00000	0	0	7.099.254	14.198.508	7.099.254	14.198.508
Bảo hiểm xã hội	13	074	6301	00000	0	0	269.538.475	539.859.199	269.538.475	539.859.199
Bảo hiểm y tế	13	074	6302	00000	0	0	46.206.597	92.547.294	46.206.597	92.547.294
Kinh phí công đoàn	13	074	6303	00000	0	0	30.804.396	61.698.192	30.804.396	61.698.192
Bảo hiểm thất nghiệp	13	074	6304	00000	0	0	15.192.555	30.429.810	15.192.555	30.429.810
Tiền nước	13	074	6502	00000	0	0	0	12.904.320	0	12.904.320

Lương theo ngạch, bậc	14	074	6001	00000	0	0	313.905.970	628.741.942	313.905.970	628.741.942
Phụ cấp chức vụ	14	074	6101	00000	0	0	5.068.503	10.137.006	5.068.503	10.137.006
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	14	074	6107	00000	0	0	372.000	496.000	372.000	496.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	14	074	6112	00000	0	0	93.859.413	187.596.066	93.859.413	187.596.066
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	14	074	6113	00000	0	0	325.500	651.000	325.500	651.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	14	074	6115	00000	0	0	1.477.026	2.954.052	1.477.026	2.954.052
Bảo hiểm xã hội	14	074	6301	00000	0	0	56.078.474	112.319.699	56.078.474	112.319.699
Bảo hiểm y tế	14	074	6302	00000	0	0	9.613.452	19.254.804	9.613.452	19.254.804
Kinh phí công đoàn	14	074	6303	00000	0	0	6.408.969	12.836.538	6.408.969	12.836.538
Bảo hiểm thất nghiệp	14	074	6304	00000	0	0	3.157.797	6.324.894	3.157.797	6.324.894
Chi khác	14	074	6449	00000	0	0	2.739.324.004	2.739.324.004	2.739.324.004	2.739.324.004
Cộng:					0	0	5.936.360.829	9.150.464.524	5.936.360.829	9.150.464.524
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 2 tháng 7 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Hồ Thị Ngọc Hoa

Người ký: Cao Sơn Đăng
Ngày ký: 02/07/2024 15:07:46
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Thủ Đức - TP Hồ Chí Minh

Cao Sơn Đăng

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 7 năm 2024

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Vũ Thị Mai Liên
Ngày ký: 01/07/2024 11:12:11
Đơn vị: Trường THPT Hiệp Bình

Người ký: Lê Thị Ngọc Anh
Ngày ký: 01/07/2024 11:13:10
Đơn vị: Trường THPT Hiệp Bình

Vũ Thị Mai Liên

Lê Thị Ngọc Anh